

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 126/2022/DS-PT

Ngày: 06/5/2022

V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ.N.L

Các thẩm phán: Bà T.T.L.A

Ông L.T.B

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông N.V.H – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HN

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà C.T.H - Kiểm sát viên

Trong ngày 06/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/2021/TLPT-DS ngày 18/10/2021 về: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố HN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2019/QĐ-PT ngày 06/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Từ Thị O; sinh năm: 1961; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 22 ngõ 9 V 3, phường L, quận HBT, HN; Chỗ ở: 183a tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, Thành phố HN; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H; sinh năm: 1982; Trú tại: 183a tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, Thành phố HN; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; địa chỉ: Căn hộ 22/7 CT3 Chung cư I, số 30 T, phường C, quận BTL, Thành phố HN; (Giấy ủy quyền số công chứng: 01691.2020/CCHH/GUQ, Quyền số 13TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 04/5/2020 tại Văn phòng công chứng H; có mặt tại phiên tòa.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cụ Nguyễn Ngọc S ; sinh năm: 1937; Trú tại: 235 tổ 22 phường Hoàng Văn T , quận HM, Thành phố HN; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2 Chị Nguyễn Ngọc Trang; sinh năm: 1988; Trú tại: Số 8 hẻm 67/10 tổ 23 phường Hoàng Văn T , quận HM, Thành HN; có mặt tại phiên tòa.

3.3 Anh Nguyễn Hoàng Việt; sinh năm: 1995; trú tại: 183a tổ 18 phường Hoàng Văn T , quận HM, Thành phố HN; có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: là anh Nguyễn Ngọc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Bà Từ Thị O và ông Nguyễn Ngọc H (sinh năm 1962) tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1981. Do không hiểu biết pháp luật nên bà và ông H không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Đến năm 2018, ông H chết không để lại di chúc. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm có bà Từ Thị O là vợ ông H cùng 03 con là: Nguyễn Ngọc H (sinh năm 1982), Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1988), Nguyễn Hoàng V (sinh năm 1995); ông Nguyễn Ngọc S (sinh năm 1937) là bố đẻ ông H. Bà Phạm Thị T là mẹ đẻ ông H đã mất năm 2015. Ngoài những người con nêu trên, ông H không có con riêng, con nuôi nào khác.

Di sản thừa kế của ông H là quyền sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5H-II-48(1996) có diện tích khoảng 128,9 m² và quyền sở hữu nhà ở trên đất là 02 ngôi nhà(bao gồm 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1987, diện tích xây dựng khoảng 90m² và 01 ngôi nhà 04 tầng xây dựng năm 2010, diện tích khoảng 40m²). Nguồn gốc di sản thừa kế trên là do ông H được bố mẹ tặng cho riêng vào năm 2016 theo hợp đồng cho nhận nhà và chuyển quyền sử dụng đất số 1305/2012/HĐCN ngày 19/4/2012. Đến năm 2018, ông H đã chuyển nhượng một phần đất với diện tích là 55,1m² trong đó diện tích sử dụng riêng là 34,3 m²; diện tích sử dụng chung là 20,8 m² cho vợ chồng ông Nghiêm Trọng Th và bà Nguyễn Thị Hải Y. Hiện nay, diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10107490455 cấp ngày 25/12/2000 là 128,9m² đất sử dụng riêng và 20,8m² đất sử dụng chung.

Hiện nay, bà O với hai con trai là anh V, anh H đang sinh sống trên mảnh đất do ông H để lại, cụ S và chị T đều có nơi ở khác. Nay bà O đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông H để lại. Bà có nguyện vọng được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật, cụ thể, bà đề nghị Tòa án chia cho bà, chị T, anh V được hưởng di sản là ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1987, diện tích xây dựng khoảng 90 m²; chia cho cháu Hiệp và cụ Sửu 01 ngôi nhà 04 tầng xây dựng năm 2010, diện tích khoảng 40 m².

Bà O tự nguyện xác nhận tài sản nhà đất đều là tài sản riêng của ông H, bà không đề nghị tính công sức đóng góp của bà vào khối tài sản trên.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đức T thống nhất trình bày: thống nhất với nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: cụ Nguyễn Ngọc S (là bố đẻ của ông Nguyễn Ngọc H) mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cụ không đến Tòa án làm việc, không có văn bản ghi ý

kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng, từ chối để Tòa án ghi ý kiến của mình về nội dung khởi kiện của nguyên đơn do vậy Tòa án không có lời khai của cụ Nguyễn Ngọc S .

Chị Nguyễn Ngọc T trình bày: về hàng thừa kế và di sản thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Ngoài chị T, anh V, anh H ra, ông H không có con chung, con nuôi nào khác. Chị đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật với di sản thừa kế của bố chị để lại. Chị có nguyện vọng được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật theo hướng chia cho chị, bà O, anh V: 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1987, diện tích xây dựng khoảng 90m²; chia cho anh H, cụ S 01 ngôi nhà 04 tầng xây dựng năm 2010, diện tích khoảng 40m². Hiện nay, chị cũng có nơi ở khác là địa chỉ số 8 hẻm 67/10 tổ 23 phường Hoàng Văn T , quận HM, HN

Anh Nguyễn Hoàng V trình bày: về hàng thừa kế và di sản thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Ngoài chị T, anh V, anh H ra, ông H không có con chung, con nuôi nào khác. Anh cũng đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật với di sản thừa kế của bố anh để lại. Anh có nguyện vọng được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật theo hướng chia cho anh, bà O, chị T: 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1987, diện tích xây dựng khoảng 90m²; chia cho anh H, cụ S 01 ngôi nhà 04 tầng xây dựng năm 2010, diện tích khoảng 40m².

Các đương sự đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá tại biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 21/7/2020, không có ý kiến nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân quận HM, thành phố HN đã xử và quyết định:

Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Từ Thị O về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H.

* Xác nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H là : quyền sử dụng 128.9 m² đất tại địa chỉ số 123, tổ 18, phường Hoàng Văn T , quận HBT(nay là quận HM) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107490455, hồ sơ gốc số 7303.2000.QĐUB/30698.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 25/12/2000(thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5H-II-48(1996) cấp cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Phạm Thị T , tặng cho ông Nguyễn Ngọc H theo hồ sơ số 03604 ngày 08/10/2016 và quyền sở hữu nhà ở trên đất là 02 ngôi nhà(bao gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 88.9 m² và 01 ngôi nhà 04 tầng, diện tích 40 m²). Tổng giá trị nhà và đất là: 4.724.650.400 đồng

* Xác nhận hàng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H là: cụ Nguyễn Ngọc S , bà Từ Thị O, anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Hoàng V.

* Xác định mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là: 944.930.080 đồng.

* Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 05/8/2018 khi ông Nguyễn Ngọc H chết.

* Chia cho anh Nguyễn Ngọc H được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất 44.45 m² sử dụng riêng tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng

Văn T, quận HM, HN, cụ thể là thửa đất 90 có diện tích 44.45 m², giới hạn bởi các điểm 10,11,14,15,10 (có sơ đồ kèm theo), có giá trị: 1.467.250.400 đồng và ½ ngôi nhà diện tích 28m² là một phần mái tôn phía trước có diện tích 13 m² (trong đó: giá trị đất: 1.333.500.000 đồng; giá trị nhà: 133.750.400 đồng).

Chia cho anh Nguyễn Hoàng V được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất 44.45m² sử dụng riêng tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, HN, cụ thể là thửa đất 90 có diện tích 44.45m², giới hạn bởi các điểm 9,10,15,16,17,18,19,9 (có sơ đồ kèm theo) có giá trị: 1.452.920.000 đồng và 1/2 ngôi nhà diện tích 25 m² và một phần mái tôn phía trước có diện tích 14 m² (trong đó: giá trị đất: 1.333.500.000 đồng; giá trị nhà: 119.420.000 đồng).

Anh H và anh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho cụ S mỗi người 472.465.040 đồng.

Chia cho bà Từ Thị O được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà 04 tầng) tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, HN, cụ thể là thửa đất 90.2 có diện tích 40m² sử dụng riêng (có sơ đồ kèm theo), có giá trị: 1.804.480.000 đồng (giá trị đất: 1.200.000.000 đồng; giá trị nhà: 604.480.000 đồng)

Bà O phải thanh toán cho chị T số tiền: 859.549.920 đồng.

Anh H phải thanh toán cho chị T số tiền 49.855.280 đồng.

Anh V phải thanh toán cho chị T số tiền 35.524.880 đồng.

Ngoài ra, những người được chia thừa kế bằng hiện vật đều được sử dụng 20,8 m² đất sử dụng chung tại địa chỉ số 123, tổ 18, phường Hoàng Văn T, quận HBT (nay là quận HM) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107490455, hồ sơ gốc số 7303.2000.QĐUB/30698.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 25/12/2000 (thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5H-II-48(1996) cấp cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Phạm Thị T, tặng cho ông Nguyễn Ngọc H theo hồ sơ số 03604 ngày 08/10/2016.

Kể từ ngày thanh toán xong các khoản tiền, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia theo bản án của Tòa án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/5/2021 bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân quận HM.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo anh Nguyễn Ngọc H là bị đơn vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh Nguyễn Đức T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh H và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia kỷ phần cho ông S và bà O vào diện tích ngôi nhà 04 tầng, tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, Thành phố HN;

cụ thể là thửa đất 90.2 có diện tích 40m² sử dụng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Nguyên đơn là bà Từ Thị O trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh H tại phiên tòa ngày hôm nay. Bà O cũng trình bày bà vẫn giữ nguyên các lời trình bày của mình tại cấp sơ thẩm; bà O đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hoàng V và chị Nguyễn Ngọc T thống nhất với lời trình bày của bà O tại phiên tòa ngày hôm nay, không có quan điểm gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân quận HM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Hội đồng xét xử xem xét Bà Từ Thị O và ông Nguyễn Ngọc H tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của hàng xóm và họ hàng hai bên ngày 17/10/1981; quá trình giải quyết vụ án, bà O có khai vào năm 1991 hai vợ chồng bà có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Văn T (nay là phường Hoàng Văn T), nhưng bà O làm mất đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án xác minh thu thập. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn T và Ủy ban nhân dân quận HM, không có tên Bà O và ông H trong sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà O có cung cấp cho Tòa án ảnh cưới của hai vợ chồng, Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của chính quyền địa phương, tổ phó dân phố đồng thời là hàng xóm lâu năm của nhà bà O và ông H cũng xác nhận: bà là hàng xóm của bà O từ năm 1980, hai ông bà có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1981 đến khi ông H mất là năm 2018, ngoài bà O, ông H cũng không chung sống như vợ chồng và kết hôn với ai khác. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình, xác định bà O và ông H là hôn nhân thực tế là có căn cứ.

[2]. Về hình thức: Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H

Về huyết thống: Các đương sự thống nhất xác định Bà Từ Thị O và ông Nguyễn Ngọc H có 03 con chung là: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1982; chị Nguyễn Ngọc Trang, sinh năm: 1988; anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1995. Ngoài ra, các đồng thừa kế khai bà O và ông H không còn con chung, con nuôi,

con riêng nào khác. Ông H có bổ đề là cụ Nguyễn Ngọc S , sinh năm 1937, mẹ ông H là cụ Thu đã mất năm 2015. Ông Nguyễn Ngọc H chết ngày 05/8/2018.

Xác định: hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Cụ Nguyễn Ngọc S , bà Từ Thị O, anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Hoàng V.

Về thời hiệu thừa kế: Theo trích lục khai tử số 53/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn T cấp ngày 29/7/2019, người để lại di sản là ông Nguyễn Ngọc H mất ngày 05/8/2018. Căn cứ Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của ông H là ngày 05/8/2018. Ngày 14/9/2019, bà Từ Thị O khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và ngày 13/01/2020, Tòa án nhân dân quận HM thụ lý vụ án nên thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu pháp luật quy định.

Do ông H chết không để lại di chúc nên việc xem xét chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điểm a Khoản 1 điều 650 Bộ luật dân sự.

Về di sản thừa kế: Các đồng thừa kế cùng thống nhất xác nhận: di sản thừa kế của ông H là: quyền sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5H-II-48(1996) có diện tích 128,9m² sử dụng riêng theo giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10107490455 cấp ngày 25/12/2000.

Nguồn gốc tài sản trên là của ông S và bà T tặng cho riêng ông H , ông H sau đó đã bán đi một phần đất cho ông Thảo và bà Yến với diện tích là 34,3m² đất sử dụng riêng và 20,8m² đất sử dụng chung. Nên xác định quyền sử dụng đất còn lại là 128,9m² đất sử dụng riêng là di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H.

Đối với tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: Tại biên bản xem xét thẩm định, định giá tại chỗ ngày 21/7/2020, tài sản trên đất là 02 ngôi nhà: 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 1987, diện tích xây dựng 88,9 m²; 01 nhà 04 tầng, diện tích xây dựng 40m². 02 ngôi nhà này theo lời khai của bà Oanh xác định là tài sản riêng của ông H . Mái hiên: 27 m² bằng tôn đã cũ nên không định giá được.

Theo kết luận định giá thì tài sản ngày 21/7/2020:

Giá trị đất: 128.9m² x 30.000.000 đồng= 3.867.000.000 đồng.

Giá trị nhà 02 tầng xây dựng năm 1987: (106m² x 5.971.000 đồng) x 40%= 253.170.400 đồng.

Giá trị nhà 04 tầng xây dựng năm 2010: (145,6m² x 5.931.000 đồng) x 70%= 604.480.000 đồng.

Như vậy, xác định tổng giá trị di sản thừa kế ông Nguyễn Ngọc H để lại là: 4.724.650.400 đồng.

Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H: ngày 05/8/2018, ông H chết không để lại di chúc nên di sản được chia đều cho 05 người thừa kế, mỗi người được hưởng một kỷ phần di sản thừa kế có giá trị là 944.930.080 đồng.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

Bà O, anh H, chị T, anh V đều có nguyện vọng lấy di sản bằng hiện vật,

ông S không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy: bà O, anh H, anh V đều đang trực tiếp sinh sống tại di sản do ông H để lại, ngoài nơi ở trên, không còn chỗ ở nào khác; chị T, cụ S đều có nơi ở chỗ khác, không có khó khăn về chỗ ở nên cần chia di sản thừa kế cho bà O, anh H, anh V bằng hiện vật và buộc bà O, anh H, anh V phải trả cho cụ S và chị T bằng tiền tương ứng với phần thừa kế chị T và cụ S được hưởng.

Chia cho anh Nguyễn Ngọc H được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất 44,45m² sử dụng riêng tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, Hà Nội, cụ thể là thửa đất 90 có diện tích 44,45m², giới hạn bởi các điểm 10,11,14,15,10 (có sơ đồ kèm theo), có giá trị: 1.467.250.400 đồng và ½ ngôi nhà diện tích 28m² và một phần mái tôn phía trước có diện tích 13m² (trong đó: giá trị đất: 1.333.500.000 đồng; giá trị nhà: 133.750.400 đồng).

Chia cho anh Nguyễn Hoàng V được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất 44,45m² sử dụng riêng tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, Hà Nội, cụ thể là thửa đất 90 có diện tích 44,45 m², giới hạn bởi các điểm 9,10,15,16,17,18,19,9 (có sơ đồ kèm theo) có giá trị: 1.452.920.000 đồng và 1/2 ngôi nhà diện tích 25m² và một phần mái tôn phía trước có diện tích 14 m² (trong đó: giá trị đất: 1.333.500.000 đồng; giá trị nhà: 119.420.000 đồng).

Chia cho bà Từ Thị O được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất(nhà 04 tầng) tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, Hà Nội, cụ thể là thửa đất 90.2 có diện tích 40 m² sử dụng riêng (có sơ đồ kèm theo), có giá trị: 1.804.480.000 đồng (giá trị đất: 1.200.000.000 đồng; giá trị nhà: 604.480.000 đồng)

Anh H và anh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho cụ S mỗi người 472.465.040 đồng.

Bà O phải thanh toán cho chị T số tiền: 859.549.920 đồng

Anh H phải thanh toán cho chị T số tiền 49.855.280 đồng

Anh V phải thanh toán cho chị T số tiền 35.524.880 đồng

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản do bà O đã tạm ứng, nay bà O tự nguyện chịu cả chi phí trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Ngọc H kháng cáo không đưa ra được các tài liệu, căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc H.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Về án phí: Bà O, cụ S được miễn án phí đối với giá trị tài sản được hưởng do trên 60 tuổi. Anh H, chị T, anh V mỗi người phải nộp 40.356.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà O tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điều 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 10/5/2021 của Toà án nhân dân quận HM và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Từ Thị O về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H.

1.2. Xác nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H là : quyền sử dụng 128,9m² đất tại địa chỉ số 123, tổ 18, phường Hoàng Văn T , quận HBT (nay là quận HM), Thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107490455, hồ sơ gốc số 7303.2000.QĐUB/30698.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 25/12/2000(thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5H-II-48(1996) cấp cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Phạm Thị T , tặng cho ông Nguyễn Ngọc H theo hồ sơ số 03604 ngày 08/10/2016 và quyền sở hữu nhà ở trên đất là 02 ngôi nhà (bao gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 88,9m² và 01 ngôi nhà 04 tầng, diện tích 40m²). Tổng giá trị nhà và đất là: 4.724.650.400 đồng

1.3. Xác nhận hàng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc H là: cụ Nguyễn Ngọc S , bà Từ Thị O, anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Hoàng V.

1.4. Xác định mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế là: 944.930.080 đồng.

1.5. Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 05/8/2018 khi ông Nguyễn Ngọc H chết.

1.6. Chia cho anh Nguyễn Ngọc H được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất 44,45m² sử dụng riêng tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T , quận HM, Hà Nội, cụ thể là thửa đất 90 có diện tích 44,45m², giới hạn bởi các điểm 10,11,14,15,10 (có sơ đồ kèm theo), có giá trị: 1.467.250.400 đồng và ½ ngôi nhà diện tích 28 m² và một phần mái tôn phía trước có diện tích 13 m² (trong đó: giá trị đất: 1.333.500.000 đồng; giá trị nhà: 133.750.400 đồng).

Chia cho anh Nguyễn Hoàng V được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất 44,45 m² sử dụng riêng tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, HN, cụ thể là thửa đất 90 có diện tích 44,45m², giới hạn bởi các điểm 9,10,15,16,17,18,19,9 (có sơ đồ kèm theo) có giá trị: 1.452.920.000 đồng và

1/2 ngôi nhà diện tích 25m² và một phần mái tôn phía trước có diện tích 14 m² (trong đó: giá trị đất: 1.333.500.000 đồng; giá trị nhà: 119.420.000 đồng).

Chia cho bà Từ Thị O được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà 04 tầng) tại địa chỉ số 123, tổ 18 phường Hoàng Văn T, quận HM, HN, cụ thể là thửa đất 90.2 có diện tích 40m² sử dụng riêng (có sơ đồ kèm theo), có giá trị: 1.804.480.000 đồng (giá trị đất: 1.200.000.000 đồng; giá trị nhà: 604.480.000 đồng).

Anh H và anh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Sừu mỗi người 472.465.040 đồng.

Bà O phải thanh toán cho chị T số tiền: 859.549.920 đồng

Anh H phải thanh toán cho chị T số tiền 49.855.280 đồng

Anh V phải thanh toán cho chị T số tiền 35.524.880 đồng

Ngoài ra, những người được chia thừa kế bằng hiện vật đều được sử dụng 20,8 m² đất sử dụng chung tại địa chỉ số 123, tổ 18, phường Hoàng Văn T, quận HNT (nay là quận HM), Thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107490455, hồ sơ gốc số 7303.2000.QĐUB/30698.2000 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 25/12/2000 (thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5H-II-48 (1996) cấp cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Phạm Thị T, tặng cho ông Nguyễn Ngọc H theo hồ sơ số 03604 ngày 08/10/2016.

Kể từ ngày thanh toán xong các khoản tiền, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia theo bản án của Tòa án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Từ Thị O được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Từ Thị O số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005131 lập ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM, Thành phố Hà Nội (Bút lục số 42)

Cụ Nguyễn Ngọc S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Hoàng V mỗi người phải nộp 40.356.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng anh Hiệp đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số

AA/2020/0049254 lập ngày 14/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM, Thành phố HN (Bút lục số 245) nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận HM ;
- Chi cục THADS quận HM;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đ.N.L